

NGHIÊN CỨU KĨ NĂNG GIAO TIẾP TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN NĂM CUỐI TẠI ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Vũ Kiều Hạnh

Trường Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Ngày nay, tiếng Anh được coi là ngoại ngữ phổ biến nhất và được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp, kinh tế và trao đổi văn hóa. Sử dụng thành thạo tiếng Anh giúp sinh viên cải thiện được sự tự tin trong giao tiếp, hòa nhập với quốc tế và sẵn sàng cho việc ứng tuyển công việc sau khi ra trường. Xác định được tầm quan trọng đó, tác giả đã tiến hành nghiên cứu khảo sát thực trạng về kĩ năng giao tiếp của sinh viên, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục. Đối tượng nghiên cứu là 350 sinh viên năm cuối tại một số trường đại học thuộc Đại học Thái Nguyên và được lựa chọn ngẫu nhiên bằng phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Dữ liệu thu thập thông qua biểu mẫu quan sát, tần suất và tỉ lệ phần trăm được sử dụng để phân tích dữ liệu. Kết quả cho thấy những sinh viên này đang phải đối mặt với thực trạng về khả năng giao tiếp tiếng Anh của mình.

Từ khóa: *kĩ năng giao tiếp; tiếng Anh; kĩ năng nói; sinh viên; thực trạng; giải pháp*

Ngày nhận bài: 02/12/2020; Ngày hoàn thiện: 25/12/2020; Ngày đăng: 30/12/2020

A CASE STUDY ON ENGLISH COMMUNICATION SKILLS OF THE LAST YEAR STUDENTS AT THAI NGUYEN UNIVERSITY: CURRENT SITUATION AND SOLUTIONS

Vu Kieu Hanh

TNU - University of Agriculture and Forestry

ABSTRACT

Nowadays, English is considered as the most popular language and a particularly useful medium for communication, economic and cultural exchange worldwide. Using English well will help students improve their confidence and readiness to enter the national and international work market. However, to determine the importance of it, the researcher aims to explore the current situation of English communication skills of the last year students at Thai Nguyen University, thereby suggests some recommendations to improve English speaking skills for these students. The participants were 350 students in Thai Nguyen University. They were randomly selected by using the convenience sampling method. The frequency and percentage were employed to analyse the data. The findings show that the students are facing a fact that most graduate students have limited communication skills in English.

Keywords: *Communication skills; English; speaking skills; students; current situation; solutions*

Received: 02/12/2020; Revised: 25/12/2020; Published: 30/12/2020

Email: vukieuhanh@tuaf.edu.vn

1. Đặt vấn đề

Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh là khả năng cá nhân truyền đạt, biểu thị một cách hiệu quả những tri thức và kinh nghiệm, quan điểm của bản thân thông qua việc sử dụng tiếng Anh nhằm đạt được mục đích giao tiếp. Kỹ năng này không phải là yếu tố thuộc về bẩm sinh mà được hình thành bằng con đường trải nghiệm chứ không phải là sự thu nhận kiến thức đơn thuần. Để đạt được kỹ năng này, cần quan tâm đến các yếu tố tác động là: ngôn ngữ giao tiếp, tâm lý - cảm xúc, kỹ năng, kinh nghiệm, xã hội, giáo dục, cá nhân.

Với mục tiêu đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học (GDĐH) Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020, “đến năm 2020, Việt Nam có hệ thống GDĐH tiên tiến tiếp cận các chuẩn mực quốc tế” [1], Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa ra nhiều đề xướng đổi mới nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao đối với giáo dục. Theo đó, các cơ sở giáo dục đại học cần áp dụng những phương pháp tiếp cận tiên tiến để phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế. Đối với các trường thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên, việc nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên không chỉ là đổi mới theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo mà còn rất cần thiết để nâng cao chất lượng đào tạo của các trường. Việc nâng cao kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh sẽ tạo cơ hội cho người học được chủ động tiếp cận tri thức, rèn luyện kỹ năng giao tiếp cho mình, từ đó nâng cao chất lượng học tập của bản thân và góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Trong đường hướng dạy và học ngôn ngữ giao tiếp, các dạng bài tập và hoạt động tương thích là không có giới hạn, miễn là những bài tập đó giúp cho người học đạt được mục tiêu của chương trình, thu hút người học tham gia giao tiếp và các quá trình như chia sẻ thông tin, đàm phán ý nghĩa và tương tác. Điều đó cho thấy, để dạy và học thành công trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, tài liệu giảng dạy phải có nội dung đa dạng; và như Finocchiaro & Brumfit [2], Grice [3] đã gợi ý,

tài liệu có thể được sử dụng hữu hiệu nhất trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp là dựa vào ngôn bản (*text-based*), dựa vào nhiệm vụ (*task-based*) và ngữ liệu trong giáo trình phải có tính sát thực (*authenticity*). Nếu những nguyên tắc này được quán triệt trong việc lựa chọn giáo trình thì nội dung giảng dạy sẽ rất phù hợp, tạo động lực cho người học cũng như nâng cao được chất lượng dạy và học.

Thực tế cho thấy, trong những năm gần đây, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh đã trở thành một kỹ năng mềm quan trọng trong quá trình hội nhập với thế giới. Để học tốt kỹ năng này, người học cần xây dựng cho mình một chiến lược học phù hợp và người dạy không ngừng đổi mới phương pháp nhằm giúp người học sẵn sàng thực hành, sử dụng ngôn ngữ trong môi trường giao tiếp tiếng Anh [4].

Tuy nhiên; một thực trạng đáng buồn hiện nay là kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên năm cuối tại Đại học Thái Nguyên, đặc biệt là kỹ năng nói còn rất hạn chế, hầu hết chưa đáp ứng được nhu cầu của nhà tuyển dụng. Phần lớn sinh viên có thời gian học tiếng Anh khá dài, từ 9 đến 12 tín chỉ nhưng vẫn không thể sử dụng được dù chỉ là những mẫu câu đơn giản. Vấn đề này đã thu hút sự quan tâm, trăn trở của nhiều người làm công tác giáo dục và những giáo viên đã và đang giảng dạy môn học này. Trước sự cấp thiết đó, tác giả tiến hành nghiên cứu kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên năm cuối tại Đại học Thái Nguyên: Thực trạng và giải pháp.

2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả tiến hành khảo sát thực tiễn bằng cách phát phiếu điều tra cho 350 sinh viên năm thứ 4 của 3 trường Đại học trực thuộc Đại học Thái Nguyên, trong đó có 180 sinh viên Trường Đại học Nông Lâm, 120 sinh viên trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, 50 sinh viên Trường Đại học Khoa học về thực trạng kỹ năng giao tiếp của mình. Thời gian phát phiếu điều tra và xử lý số liệu từ ngày 15/9/2020 đến ngày 15/11/2020, học kì 1, năm học 2020 - 2021.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên

3.1.1. Nhận thức của sinh viên về kỹ năng giao tiếp tiếng Anh

Bảng 1. Tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp tiếng Anh

STT	Tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp TA	Số lượng sinh viên (350)	Tỉ lệ %
1	Rất quan trọng	250	71,4
2	Quan trọng	65	18,6
3	Không quan trọng	35	10,0

Bảng 2. Khả năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên

STT	Khả năng giao tiếp TA của sinh viên	Số lượng sinh viên (350)	Tỉ lệ %
1	Khả năng giao tiếp TA tốt/ khá tốt	82	23,4
2	Khả năng giao tiếp TA trung bình/tạm	177	50,6
3	Khả năng giao tiếp TA yếu	91	26,0

Bảng 3. Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của sinh viên

STT	Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của sinh viên	Số lượng sinh viên (350)	Tỉ lệ %
1	Chỉ có thể nghe/ nói từng từ	225	70,3
2	Có thể nghe/ nói những câu đơn giản	177	55,3
3	Có thể nghe/ nói những câu dài	81	25,3
4	Có thể giao tiếp trong mọi tình huống	57	17,8
5	Không nói/ nghe được gì	52	16,3

Kết quả từ bảng 1 cho thấy hầu hết sinh viên được khảo sát đều nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong công việc tương lai của mình. Cụ thể 71,4% sinh viên cho rằng kỹ năng giao tiếp tiếng Anh là rất quan trọng và 18,6% sinh viên chọn kỹ năng này có tầm quan trọng. Có 10% sinh viên cho rằng kỹ năng giao tiếp tiếng Anh là không quan trọng. Một số sinh viên khi phỏng vấn đã nói rằng kỹ năng giao tiếp tiếng Anh là kỹ năng quan trọng bởi lẽ khi nộp đơn tuyển dụng, nhà tuyển dụng sẽ kiểm tra năng lực tiếng Anh của ứng viên bằng cách phỏng vấn. Trong môi trường làm việc, kỹ năng giao tiếp tiếng Anh sẽ giúp sinh viên giao tiếp, trao đổi với các đồng nghiệp từ các nước khác, hoặc học hỏi kinh nghiệm, chuyển giao công nghệ từ các nước bạn... Sinh viên nhận thức được như vậy là một tín hiệu đáng mừng vì đây sẽ là động lực thúc đẩy sinh viên tự giác trau dồi kỹ năng giao tiếp tiếng Anh được tốt hơn.

Tuy nhiên theo bảng 2, thực tế cho thấy đa số sinh viên vẫn chưa tự tin với kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của mình, có 82 sinh viên chiếm 23,4% đánh giá trình độ giao tiếp tiếng Anh

của mình là “tốt” hoặc “khá tốt” và có đến 50,6% sinh viên chọn mức trung bình là “tạm” và 26,0% sinh viên tự đánh giá là “yếu”. Khi được phỏng vấn, một số sinh viên cho rằng kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cần được trau dồi từ các cấp học trước, lên trình độ đại học thì cấp độ học đã chuyên sâu hơn với từng kỹ năng; trong khi đó, nhiều sinh viên lại thiếu nguồn từ vựng cũng như các mẫu câu, cấu trúc giao tiếp do chưa chú tâm học từ các cấp học cơ sở hoặc phổ thông. Điều này làm nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc cải thiện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh do kiến thức nền của sinh viên đã có “lỗ hổng” và việc lấp “lỗ hổng” này đòi hỏi rất nhiều thời gian cũng như sự quyết tâm, nỗ lực từ chính sinh viên.

3.1.2. Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của sinh viên

Kết quả khảo sát cho thấy mặc dù sinh viên đã được học tiếng Anh từ các năm cấp 2, cấp 3 và năm đầu đại học nhưng năng lực sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp của sinh viên vẫn còn khá thấp, cụ thể như trong bảng 3.

Để đánh giá đúng thực trạng về năng lực sử dụng ngôn ngữ của sinh viên, tác giả còn sử dụng các đoạn đối thoại ngắn trực tiếp với sinh viên. Khi được hỏi “*Can you introduce yourself?*” phần lớn câu trả lời của sinh viên là những câu đơn: *My name's, I am from, I amyears old, I live in...* Rất ít sinh viên biết triển khai các ý tưởng của mình để mở rộng hay kéo dài cuộc giao tiếp. Chủ yếu sinh viên vẫn chú trọng trả lời từng câu hỏi của giáo viên, chưa chủ động trong phát triển ý tưởng trình bày.

3.2. Thực trạng việc học kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên

3.2.1. Động cơ học tập

Theo Canale, M. [5] động cơ là sự nỗ lực nội tại khuyến khích một người theo đuổi một tiến trình hành động. Nếu chúng ta nhận thấy được một mục tiêu nào đó và nếu mục tiêu đó đủ sức hấp dẫn, chúng ta sẽ có động cơ thúc đẩy để đạt được mục tiêu đó.

Xét về động cơ học tập của người học, Gardner [6] đề cập đến hai động cơ chính: động cơ bên ngoài (extrinsic motivation) và động cơ bên trong (intrinsic motivation).

Đối với sinh viên năm cuối, phần lớn sinh viên (chiếm 67,2%) xác định mục tiêu học tập của mình là để có thể tìm được một việc làm tốt, thu nhập khá trong tương lai. Một số sinh viên được phỏng vấn đang theo học các lớp chương trình tiên tiến thì động cơ bên ngoài này chính là cố gắng học thật tốt môn tiếng Anh, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp tiếng Anh để có thể đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành đang học cũng như đạt điều kiện cho việc chuyển tiếp đào tạo hay đi làm cho các doanh nghiệp nước ngoài trong tương lai.

Động cơ bên trong là động cơ xuất phát từ nhu cầu, sự hiểu biết, niềm tin của người học đến đối tượng đích của hoạt động học tập, là mong muốn khao khát chiếm lĩnh, mở rộng tri thức, say mê với việc học tập. Loại động cơ này giúp người học luôn nỗ lực ý chí, khắc phục trở ngại từ bên ngoài, đồng thời,

giúp sinh viên duy trì hứng thú và ham muốn học hỏi, tìm tòi, vượt qua những trở ngại khó khăn để đạt được những mục tiêu trong học tập. Động cơ này đóng một vai trò quan trọng trong việc quyết định thái độ học tập của sinh viên. Tuy nhiên, khảo sát cho thấy 13,1% sinh viên có động cơ bên trong thúc đẩy việc học tiếng Anh mà cụ thể là kỹ năng giao tiếp tiếng Anh.

3.2.2. Thái độ học tập

Harmer, J. [7] định nghĩa: Thái độ là sự bền bỉ mà người học thể hiện để theo đuổi một mục tiêu. Thái độ học tập có mối liên hệ mật thiết đối với động cơ học tập. Thái độ đối với việc học ngoại ngữ là một yếu tố thúc đẩy người học cố gắng hết sức mình để đạt được mục đích. Những người học có động cơ bên ngoài hoặc bên trong sẽ có thái độ học tập tích cực hơn những người không có động cơ hay những người xem việc học là nhiệm vụ bắt buộc.

Kết quả khảo sát cho thấy, nhiều sinh viên năm cuối (39,4%) học tiếng Anh với tâm lý bị ép buộc; sinh viên học tiếng Anh bởi vì đây là một môn học bắt buộc trong chương trình. Vì chưa có động cơ học tập đúng đắn nên nhiều sinh viên thường có thái độ học “đổi phó”.

3.2.3. Chiến lược học tập

Theo Rickheit, G., & Strohner, H. [8], chiến lược học là những hành động cụ thể mà người học thực hiện để việc học của họ dễ dàng hơn, nhanh chóng hơn, đầy hứng thú hơn, hiệu quả hơn và có thể dễ dàng thích ứng với tình huống mới hơn.

Một sinh viên muốn đạt kết quả cao trong học tập không chỉ có động cơ học tập đúng đắn và thái độ học tập tích cực mà còn phải có chiến lược học đúng [9]. Đây chính là lý do vì sao nhiều sinh viên yêu thích tiếng Anh, đầu tư nhiều thời gian cho việc học tiếng Anh nhưng vẫn không đạt được kết quả như mong muốn. Tóm lại, động cơ, thái độ và chiến lược học có mối quan hệ mật thiết với nhau và có tác động lớn đến quá trình học ngoại ngữ nói

chung và quá trình rèn luyện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên nói riêng. Khi sinh viên có động cơ học tập đúng đắn, họ sẽ có thái độ học tập tích cực. Từ đó, họ có thể tìm cho mình một chiến lược học có hiệu quả, đem lại kết quả cao [10].

3.3. Giải pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên

3.3.1. Đối với giáo viên: Cần giúp sinh viên nhận thức vị trí, vai trò của ngoại ngữ đối với công việc trong tương lai, kích thích nhu cầu học ngoại ngữ thực thụ, có lòng say mê học tập. Giáo viên phải là người hướng dẫn, tạo điều kiện, giúp sinh viên tự tìm hiểu, khám phá, phát huy được khả năng bản thân cũng như tính tích cực, tự chủ trong quá trình học.

Giáo viên cần hướng dẫn, tư vấn phương pháp học tập cho sinh viên giúp sinh viên cảm thấy hứng thú hơn trong việc học tiếng Anh (cách chuẩn bị bài, cách học từ vựng, vận dụng từ mới vào tình huống, học cách phát âm đúng, cách sử dụng cấu trúc, sắp xếp từ, sắp xếp ý tưởng...); nhiều sinh viên rất chăm nhưng không biết cách học đã dẫn đến kết quả không cao.

Giáo viên phải đổi mới phương pháp dạy học sao cho thích hợp, lôi cuốn, phát huy tính sáng tạo, linh hoạt của sinh viên; cần tăng cường ứng dụng phương tiện hiện đại trong thiết kế và thực hiện các bài giảng để tạo hứng thú cho sinh viên như: biết cách lồng ghép những trò chơi hay bài hát vào bài học để thu hút sự chú ý, làm cho sinh viên cảm thấy hứng khởi và giảm đi áp lực học.

Giáo viên phải biết cách tổ chức lớp học, đặt sinh viên vào vị trí trung tâm của quá trình dạy học, tôn trọng các nhu cầu, phong cách và cách học của từng sinh viên; tăng cường sử dụng các hoạt động theo cặp, nhóm, phát huy tính chủ động của người học, tạo cơ hội để sinh viên được thực hành các kỹ năng nghe và nói.

3.3.2. Đối với sinh viên: Sinh viên phải nhận thức được tầm quan trọng cũng như lợi ích của việc tự học, cần nhận thức được vị trí, vai

trò của ngoại ngữ đối với nghề nghiệp của mình trong thời đại khoa học công nghệ. Phải luôn nâng cao tinh thần tự giác, xác định rõ động cơ và mục đích học tập và huy động hết mọi năng lực để đạt được mục đích đó. Biết tạo ra niềm say mê trong học tập, chủ động nghiên cứu nội dung trước, vấn đề chưa rõ, chưa hiểu phải hỏi bạn học hay giáo viên, không nên có tâm lý e ngại, giấu dốt.

Sinh viên phải tìm hiểu các chiến lược học tập để có thể tìm ra những phương pháp học hiệu quả, phù hợp cho mình. Sinh viên nên tích cực tham gia vào các hoạt động tại lớp; tận dụng thời gian ở lớp để thực hành giao tiếp với các bạn cùng lớp, tạo thói quen tư duy bằng tiếng Anh, và cần luyện tập phát âm chuẩn, nói lưu loát.

3.3.3. Đối với cơ sở đào tạo: Cần đầu tư hơn nữa các trang thiết bị hiện đại để học ngoại ngữ như: Máy chiếu, tivi, hệ thống âm thanh... để đảm bảo cho giáo viên có đủ phương tiện rèn luyện các kỹ năng cho sinh viên. Nhà trường nên đầu tư thêm sách học tiếng Anh cho sinh viên để ngoài giáo trình chính học trên lớp sinh viên có thể tự trau dồi thêm về các kỹ năng ngôn ngữ khác.

Đào tạo và thường xuyên bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh thông qua các khóa tập huấn phương pháp, nâng cao năng lực, đi học tập, trao đổi kinh nghiệm ở các cơ sở đào tạo nghề trong và ngoài nước.

Tổ chức một số hoạt động ngoại khóa có sử dụng tiếng Anh giúp sinh viên tăng cường khả năng giao tiếp cũng như tổ chức các buổi giao lưu với đại diện các doanh nghiệp để sinh viên có cơ hội tìm hiểu yêu cầu của nhà tuyển dụng, giúp sinh viên định hướng được việc học của mình.

4. Kết luận

Vai trò của ngoại ngữ, từ bối cảnh và xu thế phát triển của thế giới, ngày càng trở nên quan trọng đối với từng cá nhân. Trên thực tế, ngoại ngữ đã trở thành một công cụ giao tiếp rất cần thiết. Công cụ này đem lại hiệu quả rõ

rệt ở các mức độ cao thấp khác nhau tùy thuộc vào trình độ nắm bắt và sử dụng nó nhuần nhuyễn đến đâu. Vì vậy, việc nâng cao năng lực tiếng Anh cho sinh viên năm cuối nhằm tăng cường khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp, trong thực tiễn công tác sau này là hết sức cần thiết. Điều này đòi hỏi sự quan tâm sâu sát của các nhà quản lý, sự quyết tâm nỗ lực không ngừng của cán bộ giảng viên, cùng với việc thực hiện đồng bộ các giải pháp như đã đề cập ở trên. Từ đó, năng lực giao tiếp tiếng Anh của sinh viên sẽ ngày được cải thiện để sinh viên ra trường sẽ gây ấn tượng với nhà tuyển dụng không chỉ bởi những kiến thức chuyên môn vững vàng mà còn bởi khả năng giao tiếp tiếng Anh thông thạo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. Vietnam Prime Minister, Decision no. 140/QĐ-TTg dated September 30, 2008. [Online]. Available: http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=18&mode=detail&document_id=78437. [Accessed Oct. 25, 2020].
- [2]. M. Finocchiaro, and C. Brumfit, *The Functional/Notional Approach: from theory to practice*. Oxford: Oxford University Press, 1983.
- [3]. H. P. Grice, "Logic and conversation," in *Studies in Syntax and Semantics III: Speech Acts*, P. Cole and J. Morgan Eds. New York: Academic Press, 1975, pp. 183 - 198.
- [4]. H. H. Le, "Students' English Communicative Skills at The People's Police University in the Era of Integration," *VNU Journal of Foreign Studies*, vol. 3, pp. 58-74, 2018.
- [5]. M. Canale, and M. Swain, "A Theoretical Framework for Communicative Competence," in *The construct validation of test of communicative competence*, A. Palmer, P. Groot, and G. Trosper Eds. Washington, DC: Georgetown University, 1981, pp. 31-36.
- [6]. R. Gardner, and W. Lambert, "Attitudes and Motivation in Second Language Learning" in *Teaching Principles and Practice*, P. G. Cole, and L. Chan Eds. Prentice Hall of Australia Pty Ltd., 1994, pp. 52-70.
- [7]. J. Harmer, *The Practice of English Language Teaching*. Longman Group UK Limited, 1991.
- [8]. G. Rickheit, and H. Strohner, *Handbook of Communication Competence*. Germany: Mouton de Gruyter, 1st edition, 2008.
- [9]. L. Weerarak, "Oral communication strategies employed by English major taking listening and speaking 1 at Rajabhat Institute Nakhon Ratchasima," Unpublished Master's Thesis, Suranaree University of Technology, Nakhon Ratchasima, Thailand, 2003.
- [10]. G. M. Willems, "Communication strategies and their significance in foreign language teaching," *System*, vol. 15, pp. 358-362, 1987.